

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG NAI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13 /2007/QĐ-UBND Biên Hòa, ngày 13 tháng 02 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy chế giao ban, báo cáo, kiểm tra, sơ kết tổng kết công tác quốc phòng, dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Dân quân tự vệ số 19/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29/4/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị định số 184/2004/NĐ-CP ngày 02/11/2004 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Pháp lệnh Dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 119/2004/NĐ-CP ngày 11/5/2004 của Chính phủ về Công tác quốc phòng ở các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương;

Căn cứ Quyết định số 38/2005/QĐ-BQP ngày 06/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Quyết định số 385/QĐ-BTL ngày 23/5/2006 của Bộ Tư lệnh Quân khu 7 về ban hành Quy chế giao ban, báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng;

Theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh tại Tờ trình số 440/BCH ngày 26/10/2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này: “Quy chế giao ban, báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành, Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các cơ quan đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VP Chính phủ - BQP;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ tư pháp;
- BTL/QK7, TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

qq

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Văn Một

QUY CHẾ

Về việc giao ban, báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết
công tác quốc phòng, dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 13 /2007/QĐ-UBND ngày 13 / 02 /2007
của UBND tỉnh Đồng Nai)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định chế độ giao ban, báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, dân quân tự vệ (DQTV), giáo dục quốc phòng (GDQP) ở cấp tỉnh, huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (gọi tắt là huyện), cấp xã, phường, thị trấn (gọi tắt là xã) và các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội cấp tỉnh, huyện (gọi tắt là cơ quan, tổ chức), cơ sở tự vệ, các doanh nghiệp quốc phòng trong tỉnh.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (Bộ CHQS), Chỉ huy trưởng Ban CHQS huyện và Chỉ huy trưởng Ban CHQS xã, Ban CHQS cơ quan, tổ chức cơ sở tự vệ doanh nghiệp quốc phòng có trách nhiệm giúp Chủ tịch UBND cùng cấp và người đứng đầu cơ quan tổ chức chỉ đạo và tổ chức thực hiện chế độ giao ban, báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, dân quân tự vệ (DQTV), giáo dục quốc phòng (GDQP) hàng năm và từng thời kỳ theo Quy chế này.

2. Cơ quan thường trực công tác quốc phòng địa phương (QPĐP), công tác DQTV - GDQP của tỉnh (gọi tắt là cơ quan thường trực công tác QPĐP) do Bộ CHQS tỉnh đảm nhiệm, giúp UBND tỉnh theo dõi, tổng hợp, hướng dẫn thực hiện chế độ giao ban, báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác QPĐP, công tác DQTV - GDQP trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Chương II

CHẾ ĐỘ GIAO BAN

Điều 3. Quy định chế độ giao ban

1. Giao ban công tác quốc phòng, DQTV -GDQP được thực hiện ở cấp tỉnh, huyện, xã và các cơ quan, tổ chức, các cơ sở tự vệ, doanh nghiệp quốc phòng.

2. Việc tổ chức giao ban do Chỉ huy trưởng cơ quan quân sự tỉnh, huyện, xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, các cơ sở tự vệ, doanh nghiệp quốc phòng chủ trì theo từng cấp.

3. Chế độ giao ban gồm:

- Giao ban thường xuyên hàng tuần, tháng, quý, 6 tháng.
- Giao ban đột xuất khi có yêu cầu nhiệm vụ đột xuất hoặc được bổ sung nhiệm vụ mới.

4. Căn cứ vào nhiệm vụ của từng địa phương, cơ quan đơn vị có thể thực hiện chế độ giao ban phối hợp các nội dung khác trong giao ban công tác quốc phòng DQTV- GDQP.

Điều 4. Tổ chức giao ban ở các cấp

1. Giao ban cấp tỉnh:

a) Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh chủ trì giao ban 1 quý 01 lần.

b) Thành phần: Thủ trưởng Bộ CHQS tỉnh; các phòng ban trực thuộc Bộ CHQS tỉnh, Chỉ huy trưởng Ban CHQS huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, doanh nghiệp quốc phòng (Công ty Đồng Tân); Ban CHQS các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh do Bộ CHQS tỉnh quản lý và Chỉ huy các đơn vị Quân đội đóng quân trên địa bàn.

c. Bộ CHQS tỉnh là cơ quan thường trực công tác QPĐP có trách nhiệm tổng hợp kết quả giao ban 6 tháng đầu năm và cuối năm báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ Tư lệnh Quân khu 7.

2. Giao ban cấp huyện.

a) Chỉ huy trưởng Ban CHQS huyện, chủ trì giao ban mỗi tháng 01 lần.

b) Thành phần giao ban: Chỉ huy trưởng Ban CHQS xã, Chỉ huy trưởng quân sự cơ quan, tổ chức thuộc cấp huyện quản lý, Trưởng Ban Tham mưu, Chính trị, Hậu cần một số trợ lý chủ chốt của huyện.

c) Chỉ huy trưởng Ban CHQS huyện chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả giao ban tháng, quý, 6 tháng, năm báo cáo Chủ tịch UBND huyện và Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh.

3. Giao ban cấp xã.

a) Chỉ huy trưởng Ban CHQS xã chủ trì giao ban mỗi tuần một lần.

b.) Thành phần: Ấp, khu đội trưởng, Đại đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân cơ động, Tiểu đội trưởng Dân quân thường trực, Trung đội trưởng, Tiểu đội trưởng Dân quân bình chủng thuộc xã quản lý, đại diện một số ban ngành trong xã.

c) Chỉ huy trưởng Ban CHQS xã chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả giao ban tuần, tháng, quý, 6 tháng, năm báo cáo Chủ tịch UBND xã và Chỉ huy trưởng quân sự huyện.

4. Giao ban các cơ quan, tổ chức, các doanh nghiệp quốc phòng.

- Căn cứ vào kế hoạch công tác, tình hình cụ thể của cơ quan, đơn vị để xác định thành phần, nội dung giao ban cấp mình. Chỉ huy trưởng Ban CHQS chủ trì giao ban mỗi quý 01 lần và chịu trách nhiệm báo cáo kết quả giao ban cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức và cơ quan quân sự cấp tỉnh, huyện (quản lý cấp mình)

Điều 5. Nội dung giao ban

1. Nội dung giao ban chung:

a) Thông báo cập nhật tình hình liên quan đến công tác quốc phòng địa phương và công tác DQTV - GDQP.

b) Kiểm điểm đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ công tác quốc phòng, DQTV - GDQP.

c) Chỉ đạo nội dung công tác trọng tâm theo các nhiệm vụ về công tác quốc phòng, DQTV - GDQP.

d) Giải quyết những vướng mắc và các ý kiến, kiến nghị về công tác quốc phòng, DQTV - GDQP trong cuộc giao ban.

2. Nội dung giao ban cấp tỉnh, huyện, và các cơ quan, tổ chức, cơ sở tự vệ cấp tỉnh, huyện, doanh nghiệp quốc phòng.

- Đánh giá kết quả tham mưu cho cấp ủy, chính quyền và kết quả thực hiện nhiệm vụ của tỉnh, huyện về công tác quốc phòng, công tác DQTV- GDQP của quý, tháng trước đó theo 7 nhiệm vụ của các địa phương quy định tại Điều 5 Nghị định số 119/2004/NĐ-CP ngày 11/5/2004 của Chính phủ như sau:

1- Tổ chức tuyên truyền giáo dục quốc phòng toàn dân và thực hiện công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho cán bộ các cấp và giáo dục quốc phòng cho học sinh, sinh viên và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật.

2- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với quốc phòng – an ninh; gắn quốc phòng với an ninh; quốc phòng – an ninh với kinh tế; xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh toàn diện, làm nòng cốt để xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; quản lý, bảo vệ các công trình quốc phòng, căn cứ hậu phương và các khu vực quân sự ở địa phương.

3- Thực hiện các biện pháp về xây dựng, bảo vệ tiềm lực quốc phòng của địa phương, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trong khu vực phòng thủ; động viên nền kinh tế quốc dân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng của địa phương và cả nước trong mọi tình huống.

4- Chỉ đạo tổ chức xây dựng, huấn luyện và bảo đảm hoạt động tác chiến của bộ đội địa phương, lực lượng DQTV- DBĐV; thực hiện công tác tuyển quân và động viên Quân đội theo quy định của pháp luật.

5- Chỉ đạo lực lượng bộ đội thường trực, DQTV- DBĐV phối hợp công an và các lực lượng khác giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; làm công tác vận động quần chúng và tổ chức huy động các lực lượng thực hiện công tác phòng thủ dân sự ở địa phương.

6- Thực hiện nhiệm vụ xây dựng, bảo đảm hậu cần tại chỗ, bảo đảm ngân sách chi cho công tác quốc phòng địa phương. Thi hành mọi chủ trương chính sách về củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng thường trực, DQTV- DBĐV theo quy định của pháp luật về lực lượng DBĐV, Pháp lệnh DQTV. Thực hiện chính sách hậu phương quân đội, động viên sức người, sức của ở địa phương cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

7- Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết về công tác quốc phòng ở địa phương hàng năm và từng thời kỳ.

3. Nội dung giao ban cấp xã:

- Đánh giá kết quả việc tham mưu cho cấp ủy, chính quyền xã và kết quả triển khai, thực hiện công tác quốc phòng, quân sự theo 9 chức năng, nhiệm vụ của

Ban CHQS xã quy định tại Điều 2 Nghị định số 184/2004-CP ngày 02/11/2004 của Chính phủ về thực hiện Pháp lệnh DQTV.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong tuần về xây dựng, quản lý lực lượng DQTV, các hoạt động của DQTV; thực hiện việc đăng ký, quản lý và động viên quân dự bị, gọi công dân nhập ngũ; tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, các công tác khác theo kế hoạch và chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền xã và Ban CHQS huyện.

Điều 6. Phương pháp giao ban các cấp

1. Cấp tỉnh:

a) Trước khi giao ban:

- Cơ quan thường trực công tác quốc phòng địa phương (Bộ CHQS tỉnh) soạn thảo kế hoạch, chương trình Hội nghị giao ban, chuẩn bị báo cáo trung tâm trên cơ sở có công văn yêu cầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ban CHQS các huyện, Ban CHQS các cơ quan, tổ chức trực thuộc cấp tỉnh quản lý báo cáo.

- Căn cứ vào nội dung giao ban các phòng, ban thuộc Bộ CHQS tỉnh, Ban CHQS các huyện, Ban CHQS các cơ quan, tổ chức trực thuộc cấp tỉnh gửi báo cáo theo chức năng nhiệm vụ được giao về cơ quan thường trực công tác QPĐP tỉnh (Phòng Tham mưu) để tổng hợp, báo cáo trung tâm chuẩn bị giao ban. Thời gian hoàn thành nội dung giao ban báo cáo Chỉ huy trưởng Quân sự tỉnh trước 05 ngày.

- Thành phần giao ban theo quy định chuẩn bị nội dung để báo cáo tham luận.

b) Trong giao ban:

- Phó Chỉ huy trưởng - Tham mưu trưởng được ủy nhiệm của Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh báo cáo trung tâm, thông báo tình hình kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Bộ CHQS tỉnh chủ trì giao ban nghe báo cáo tình hình của các địa phương, cơ quan, đơn vị, các ý kiến, kiến nghị. Kết luận Hội nghị giao ban và giải đáp các vướng mắc, kiến nghị của các đơn vị, cơ sở thuộc quyền.

c) Sau giao ban:

- Cơ quan thường trực (Bộ CHQS tỉnh) tổng hợp kết quả Hội nghị giao ban báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Tư lệnh Quân khu 7 và ra văn bản thông báo kết luận gửi cho các thành phần giao ban.

Điều 7. Thời gian và địa điểm giao ban:

1. Thời gian giao ban:

a) Giao ban cấp tỉnh là 1/2 ngày đến một ngày từ ngày 24 đến ngày 29 của tháng cuối quý I, II, III, IV.

b) Giao ban cấp huyện là 1/2 ngày từ ngày 20 đến ngày 23 hàng tháng.

c) Giao ban cấp xã là 1/2 ngày, được thực hiện vào 1 ngày trong tuần.

2. Địa điểm giao ban:

- Địa điểm giao ban do từng cơ quan, đơn vị địa phương xác định.

Chương III
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG,
DÂN QUÂN TỰ VỆ – GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

Điều 8. Chế độ báo cáo:

1. Báo cáo công tác quốc phòng, DQTV - GDQP phải đủ nội dung, đánh giá đúng tình hình kết quả công tác và đúng thời gian quy định.

2. Các phòng, ban thuộc Bộ CHQS tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, các cơ quan, tổ chức, các cơ sở tự vệ, doanh nghiệp quốc phòng trực thuộc tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan chức năng thuộc quyền thực hiện chế độ báo cáo UBND tỉnh về công tác QPĐP, DQTV - GDQP (qua cơ quan thường trực Bộ CHQS tỉnh) theo nội dung, thời gian quy định của Quy chế này.

3. Chế độ báo cáo gồm:

a) Chế độ báo cáo thường xuyên hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm.

b) Báo cáo đột xuất: Được thực hiện theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh, hoặc cơ quan quân sự cấp trên khi có yêu cầu đột xuất về nhiệm vụ Quốc phòng – an ninh để có giải pháp, biện pháp chỉ đạo, xử lý kịp thời.

c) Báo cáo chuyên đề: Về một số nhiệm vụ, một nội dung công tác được giao hoặc một nội dung mang tính chất chuyên ngành.

Điều 9. Phân cấp báo cáo công tác quốc phòng, DQTV - GDQP:

1. Ban CHQS xã, Ban CHQS cơ quan, tổ chức, cơ sở tự vệ trực thuộc cấp huyện báo cáo Ban CHQS huyện, đồng thời báo cáo Chủ tịch UBND xã và người đứng đầu cơ quan, tổ chức ở cơ sở tự vệ đơn vị mình.

2. Ban CHQS huyện, Ban CHQS cơ quan, tổ chức doanh nghiệp quốc phòng trực thuộc cấp tỉnh báo cáo Bộ CHQS tỉnh, chủ tịch UBND huyện và người đứng đầu cơ quan tổ chức, thuộc đơn vị mình.

3. Giao cho Bộ CHQS tỉnh tổng hợp báo cáo Bộ Tư lệnh Quân khu 7.

4. Ban CHQS cơ quan, tổ chức trực thuộc bộ ngành của Trung ương báo cáo Ban CHQS địa phương nơi đóng quân và báo cáo, Ban CHQS bộ, ngành, cơ quan, tổ chức của mình và người đứng đầu cơ quan tổ chức.

Điều 10. Nội dung báo cáo:

1. Nội dung báo cáo hàng ngày, hàng tuần chủ yếu nêu tình hình thực hiện nhiệm vụ trong ngày, trong tuần.

2. Nội dung báo cáo thường xuyên công tác quốc phòng, DQTV - GDQP tháng, quý, năm gồm:

a) Đặc điểm tình hình có liên quan đến công tác quốc phòng, quân sự (nêu khái quát).

b) Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo:

- Tổ chức quán triệt các văn bản của Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng và của cấp trên.

- Ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, kế hoạch, hướng dẫn.

c) Kết quả tổ chức thực hiện (có số liệu, phụ lục cụ thể) về:

- Công tác giáo dục quốc phòng.

- Xây dựng lực lượng DQTV- DBĐV, công tác huấn luyện, trang bị.

- Công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật tại chỗ, bảo đảm ngân sách quốc phòng cho công tác quốc phòng quân sự.

- Bảo đảm chính sách đối với DQTV- DBĐV, chính sách hậu phương quân đội.

- Thực hiện chế độ giao ban, báo cáo, kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, DQTV- GDQP.

d) Đánh giá chung về những mặt ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quốc phòng, công tác DQTV - GDQP.

e) Phương hướng nhiệm vụ tiếp theo.

g) Những ý kiến đề xuất, kiến nghị.

Đối với cấp xã vận dụng để báo cáo cho phù hợp.

3. Nội dung báo cáo đột xuất công tác quốc phòng, DQTV - GDQP gồm:

a) Tóm tắt diễn biến sự việc, sự kiện, mức độ, hậu quả và nguyên nhân theo yêu cầu của người lãnh đạo, chỉ huy và cơ quan quân sự cấp trên.

b) Những biện pháp đã áp dụng, xử lý, kết quả nội dung đã đạt được và các kiến nghị, đề xuất với cấp trên.

c. Báo cáo đột xuất phải được gửi đến cấp trên bằng phương tiện nhanh nhất.

Điều 11. Thời gian và phương pháp báo cáo:

1. Thời gian báo cáo cấp tỉnh quy định đối với cấp huyện, các doanh nghiệp quốc phòng, Ban CHQS các cơ quan, tổ chức trực thuộc cấp tỉnh như sau:

a) Báo cáo hàng ngày: Từ 16 giờ ngày hôm trước đến 16 giờ ngày hôm sau (ngày nghỉ, ngày lễ, tết được gộp vào báo cáo ngày làm việc tiếp theo).

b) Báo cáo tuần: Từ thứ sáu tuần trước đến hết thứ năm tuần sau.

c) Báo cáo tháng:

- Báo cáo tháng tính từ ngày 21 tháng trước đến ngày 20 tháng sau đối với các địa phương cơ sở và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp quốc phòng. Được thực hiện với tất cả các tháng 01, 02, 4, 5, 7, 8, 10, 12. Tình hình các tháng 3, tháng 6, tháng 9, tháng 11 được tổng hợp vào báo cáo quý 1, 6 tháng đầu năm, 9 tháng và báo cáo năm.

- Báo cáo của cấp huyện. Các doanh nghiệp quốc phòng, Ban CHQS các cơ quan, tổ chức trực thuộc cấp tỉnh gửi về Bộ CHQS tỉnh chậm nhất ngày 30 hàng tháng.

- Báo cáo của tỉnh tổng hợp báo cáo về Quân khu 7 chậm nhất ngày 10 hàng tháng.

d) Báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng:

- Báo cáo được tính từ ngày 11 tháng 12 năm đến ngày 10 của các tháng 3, tháng 6, tháng 9 (tương ứng với từng kỳ báo cáo).

- Báo cáo cấp tỉnh gửi Quân khu 7 chậm nhất ngày 10 của tháng cuối quý, 6 tháng, 9 tháng (đầu tháng 3, tháng 6, tháng 9).

- Báo cáo cấp huyện, các doanh nghiệp quốc phòng gửi về Bộ CHQS tỉnh chậm nhất ngày 5 của tháng cuối quý, 6 tháng, 9 tháng (đầu tháng 3, tháng 6, tháng 9).

e) Báo cáo tổng kết năm:

- Báo cáo được tính từ ngày 11 tháng 12 năm trước đến ngày 10 của tháng 10 hàng năm.

- Báo cáo cấp tỉnh về Quân khu chậm nhất ngày 10 của tháng 11 của năm.

- Báo cáo cấp huyện, Ban CHQS cơ quan, tổ chức trực thuộc cấp tỉnh doanh nghiệp quốc phòng gửi về Bộ CHQS tỉnh chậm nhất ngày 05 tháng 11 của năm.

- Tình hình tháng 11, 12 của các địa phương, đơn vị được bổ sung vào báo cáo Hội nghị tổng kết năm của Bộ CHQS tỉnh.

g) Báo cáo chuyên đề do Bộ CHQS tỉnh quy định thời gian (nếu có).

2. Thời gian báo cáo của các địa phương, đơn vị tự vệ, cơ quan, tổ chức cấp huyện căn cứ quy chế này có quy chế, quy định các mốc thời gian báo cáo cụ thể đối với các cơ sở, đơn vị tự vệ, cơ quan, tổ chức.

3. Phương pháp báo cáo:

a) Báo cáo cấp tỉnh phải gửi trực tiếp đến Bộ tư lệnh Quân khu 7.

b) Báo cáo cấp huyện, cơ quan, tổ chức, cơ sở tự vệ Doanh nghiệp quốc phòng gửi về Bộ CHQS tỉnh qua (Phòng Tham mưu).

c) Chế độ báo cáo thường xuyên: Được thực hiện trình tự từ cấp dưới lên cấp trên theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Quy chế này.

- Báo cáo hàng ngày, hàng tuần: Do cán bộ hoặc cơ quan chuyên trách công tác quốc phòng, công tác DQTV, GDQP theo dõi tổng hợp trình thủ trưởng trực tiếp ký nội dung báo cáo.

- Báo cáo thường xuyên hàng tháng: Do thủ trưởng Phòng Tham mưu - Bộ CHQS tỉnh, Ban CHQS huyện, Ban CHQS cơ sở ký chịu trách nhiệm.

- Báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và tổng kết năm: Do Chỉ huy trưởng (hoặc Tham mưu trưởng) - Bộ CHQS tỉnh, Chỉ huy trưởng - Ban CHQS huyện, Chỉ huy trưởng - Ban CHQS cơ sở, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cơ sở tự vệ, doanh nghiệp ký chịu trách nhiệm.

d) Báo cáo phải trình tự từ cấp dưới lên cấp trên, khi có yêu cầu hoặc quy định của cấp trên thì thực hiện báo cáo vượt cấp.

e) Báo cáo đột xuất: Kết hợp báo cáo bằng văn bản và báo cáo trực tiếp qua phương tiện thông tin liên lạc.

g) Báo cáo thường xuyên, báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề có thể được thực hiện báo cáo vượt 2 cấp hoặc nhiều cấp theo yêu cầu của thủ trưởng cấp trên, người đứng đầu cơ quan tổ chức. Ngay sau khi có báo cáo vượt cấp, phải báo cáo cho người chỉ huy và cơ quan quân sự cấp trên trực tiếp biết.

Chương IV
CHẾ ĐỘ KIỂM TRA CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG,
DÂN QUÂN TỰ VỆ – GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

Điều 12. Chế độ kiểm tra:

1. Bộ CHQS tỉnh giúp UBND tỉnh, xây dựng kế hoạch, kiểm tra công tác quốc phòng, công tác DQTV, GDQP hàng năm và từng thời kỳ.

2. Cơ quan quân sự địa phương các cấp có trách nhiệm giúp UBND cùng cấp xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra hàng năm và từng thời kỳ, đồng thời chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND cấp mình và cơ quan quân sự cấp trên về chỉ đạo, thực hiện kiểm tra công tác quốc phòng, quân sự, công tác DQTV - GDQP đối với các cơ quan tổ chức, địa phương thuộc quyền.

3. Chế độ kiểm tra gồm:

- Kiểm tra thường xuyên hàng tháng, quý, 6 tháng và năm.
- Kiểm tra đột xuất thực hiện theo yêu cầu nhiệm vụ đột xuất của người chỉ huy hoặc cơ quan quân sự cấp trên.

Điều 13. Đối tượng kiểm tra:

1. UBND xã, Ban CHQS xã, các phân đội DQTV và cán bộ, chiến sỹ dân quân của xã.

2. UBND huyện, Ban CHQS huyện, các đơn vị thuộc Ban CHQS cấp huyện, Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, Ban CHQS các cơ quan, tổ chức, cơ sở tự vệ trực thuộc cấp huyện, các trường THPT trên địa bàn huyện.

3. Các cơ quan đơn vị, Trường Quân sự, Trường Chính trị, Ban CHQS các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh, Ban CHQS cơ quan, tổ chức, đơn vị tự vệ thuộc Bộ ngành, cơ quan, tổ chức Trung ương có trụ sở trên địa bàn tỉnh, các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, Trung học phổ thông của tỉnh, các doanh nghiệp quốc phòng thuộc tỉnh.

Điều 14. Nội dung kiểm tra:

1. Việc ban hành các văn bản, hướng dẫn và thông tin tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về công tác quốc phòng, quân sự, DQTV - GDQP.

2. Kết quả chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác GDQP cho cán bộ, công chức, học sinh, sinh viên và nhân dân thuộc quản lý của các cơ quan, tổ chức và địa phương. Các cơ quan, tổ chức Trung ương có trụ sở trên địa bàn tỉnh phối hợp cơ quan quân sự các cấp và các cơ quan đơn vị quân đội thực hiện GDQP, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho cán bộ công chức theo quy định của pháp luật.

3. Việc kết hợp giữa phát triển kinh tế-xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng-an ninh của các cơ quan, tổ chức, địa phương, xây dựng kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ động viên, gọi công dân nhập ngũ đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc.

4. Xây dựng khu vực phòng thủ, góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện.

5. Xây dựng, huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao và chỉ đạo hoạt động sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương (bộ đội địa phương, DQTV, DBĐV) và doanh nghiệp quốc phòng.

6. Việc thực hiện chế độ giao ban, thông báo tình hình, báo cáo, kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, quân sự và công tác DQTV - GDQP.

7. Bảo đảm ngân sách cho công tác quân sự, quốc phòng, DQTV - GDQP, xây dựng quản lý sử dụng quỹ quốc phòng-an ninh và thực hiện chính sách hậu phương quân đội.

8. Đối với cấp xã, vận dụng nội dung kiểm tra cho phù hợp từng địa phương.

Điều 15. Phạm vi tổ chức kiểm tra:

1. Chủ tịch UBND các cấp chỉ đạo tổ chức kiểm tra công tác quốc phòng địa phương đối với các cơ quan, tổ chức và các đơn vị lực lượng vũ trang địa phương thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước.

2. Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh, Chỉ huy trưởng Ban CHQS huyện, tổ chức kiểm tra công tác quốc phòng địa phương, DQTV - GDQP đối với các địa phương cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, chỉ đạo kiểm tra công tác quốc phòng, quân sự đối với cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc quyền. Khi kiểm tra cần thông báo cho địa phương nơi cơ quan, tổ chức, đơn vị đóng quân để cùng phối hợp thực hiện.

4. Việc tổ chức kiểm tra đột xuất, hoặc kiểm tra theo chuyên ngành, chuyên đề, của cơ quan quân sự các cấp và Ban CHQS các cơ quan, tổ chức, cơ sở tự vệ do từng cơ quan, tổ chức, cơ sở tự vệ xác định cơ cấu, thành phần, nội dung, thẩm quyền kiểm tra, phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của từng cấp, từng ngành, lĩnh vực và phải được thủ trưởng, hoặc người chỉ huy cấp trên trực tiếp phê duyệt kế hoạch kiểm tra.

Điều 16. Tổ chức cơ cấu thành phần đoàn kiểm tra của các cấp:

Việc tổ chức thành lập đoàn kiểm tra và cơ quan giúp việc cho đoàn kiểm tra công tác quốc phòng, công tác DQTV - GDQP của cấp nào do thủ trưởng, người chỉ huy cấp đó ra quyết định thành lập.

1. Đoàn kiểm tra cấp tỉnh:

a) Tổ chức thành đoàn kiểm tra, do Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định thành lập.

b) Cơ cấu thành phần gồm:

- Đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng đoàn.

- Bộ CHQS tỉnh làm Phó trưởng đoàn.

- Lãnh đạo các sở, ngành có liên quan thuộc tỉnh, thủ trưởng các Phòng Tham mưu, Chính trị, Hậu cần, Kỹ thuật, Trưởng ban DQTV, đại diện các cơ quan thuộc Bộ CHQS tỉnh làm uỷ viên.

c) Số lượng đoàn kiểm tra do trưởng đoàn đề nghị, gồm: Trưởng đoàn, Phó trưởng đoàn, các uỷ viên và thư ký.

2. Đoàn kiểm tra cấp huyện:

a) Tổ chức thành đoàn kiểm tra, do Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định thành lập.

b) Cơ cấu thành phần gồm:

- Đồng chí Phó Chủ tịch UBND cấp huyện làm Trưởng đoàn.
- Chỉ huy trưởng Ban CHQS huyện làm Phó trưởng đoàn.
- Lãnh đạo các phòng, ban có liên quan của huyện, các Ban Tham mưu, Chính trị, Hậu cần và trợ lý DQTV làm uỷ viên.

c) Số lượng đoàn kiểm tra do Trưởng đoàn đề nghị, gồm: Trưởng đoàn, Phó trưởng đoàn, các uỷ viên và thư ký.

3. Đoàn kiểm tra cấp xã:

a) Tổ chức đoàn kiểm tra, do Chủ tịch UBND cấp xã ra quyết định thành lập.

b) Cơ cấu thành phần gồm:

- Đồng chí Phó Chủ tịch UBND cấp xã làm Trưởng đoàn.
- Chỉ huy trưởng Ban CHQS cấp xã làm Phó trưởng đoàn.
- Đại diện một số ban, ngành đoàn thể của xã.

c) Đoàn kiểm tra gồm: Trưởng đoàn, Phó trưởng đoàn, các uỷ viên và thư ký.

- Về số lượng đoàn kiểm tra vận dụng cho phù hợp với nhiệm vụ kiểm tra của đoàn.

Điều 17. Nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc của đoàn kiểm tra:

1. Nhiệm vụ của đoàn kiểm tra:

a) Chuẩn bị kế hoạch kiểm tra, các nội dung và công tác bảo đảm cho kiểm tra. Thông báo kế hoạch, chương trình cho đối tượng kiểm tra.

b) Yêu cầu lãnh đạo địa phương, người chỉ huy cơ quan quân sự, thủ trưởng, Ban CHQS cơ quan, tổ chức, cơ sở tự vệ thuộc đối tượng kiểm tra báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác quốc phòng, DQTV - GDQP theo nội dung kế hoạch kiểm tra.

c) Chất vấn các đối tượng được kiểm tra và thực hiện kiểm tra các nội dung về công tác quốc phòng, DQTV - GDQP theo yêu cầu của đoàn kiểm tra.

d) Xử lý những vấn đề vướng mắc, nảy sinh trong quá trình kiểm tra theo thẩm quyền kiểm tra.

e) Đánh giá các nội dung đã kiểm tra, tổng hợp nhận xét, kết luận và kiến nghị những biện pháp khắc phục tồn tại, thiếu sót với đối tượng kiểm tra.

g) Tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra với thủ trưởng đơn vị, người chỉ huy cơ quan, tổ chức địa phương ra quyết định kiểm tra và thông báo cho đối tượng kiểm tra.

2. Nguyên tắc làm việc của đoàn kiểm tra:

a) Dân chủ, công khai, đúng quy định với các văn bản pháp lý, không gây cản trở đến hoạt động của đối tượng được kiểm tra. Đề cao trách nhiệm của từng

thành viên đoàn kiểm tra. Biên bản kết luận rõ ràng, phản ánh trung thực, khách quan ý kiến của các thành viên trong đoàn.

b) Kiểm tra phải được tiến hành thường xuyên cơ quan quân sự tỉnh, huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, lập kế hoạch được chủ tịch UBND tỉnh, huyện, phê chuẩn. Các trường hợp kiểm tra đột xuất phải có ý kiến chỉ đạo của Bộ tư lệnh Quân Khu 7, UBND tỉnh, huyện, thị xã, thành phố.

Điều 18. Phương pháp, trình tự làm việc của đoàn kiểm tra:

1. Công tác chuẩn bị kiểm tra:

a) Xây dựng kế hoạch, nội dung, phương pháp, kiểm tra, quy tắc kiểm tra và các văn bản liên quan đến công tác kiểm tra.

b) Quán triệt mục đích yêu cầu, nội dung kế hoạch, phương pháp, quy chế, quy tắc, thời gian và nhiệm vụ kiểm tra cho các thành viên trong đoàn kiểm tra.

c) Thông báo kế hoạch kiểm tra cho đối tượng kiểm tra.

2. Thực hành kiểm tra:

a) Phổ biến quyết định, chỉ thị, kế hoạch và thành phần đoàn kiểm tra cho đối tượng được kiểm tra.

b) Thủ trưởng đơn vị, người chỉ huy cơ quan, tổ chức, địa phương được kiểm tra báo cáo nội dung kiểm tra với đoàn kiểm tra.

c) Thực hành kiểm tra từng nội dung theo kế hoạch kiểm tra đã được phê chuẩn.

3. Tổng hợp và đánh giá kết quả kiểm tra:

a) Tổng hợp đánh giá kết quả mạnh, yếu, các mặt (chấm điểm từng nội dung nếu có) được kiểm tra và tổng hợp đánh giá chung.

b) Trưởng đoàn nhận xét, kết luận và chỉ thị hoặc kiến nghị các biện pháp khắc phục thiếu sót, khuyết điểm để nâng cao chất lượng công tác quốc phòng, DQTV - GDQP.

c) Sau khi kiểm tra, đoàn kiểm tra hoàn thiện các văn bản kết luận kiểm tra, thông báo kết quả kiểm tra cho đơn vị, cơ quan, tổ chức, địa phương được kiểm tra và báo cáo cấp trên theo quy định.

4. Phương pháp tính thành tích: (nếu có)

a) Đánh giá thành tích bằng chấm điểm theo từng nội dung kiểm tra và được tính theo thang điểm 10. Từng nội dung có thể phân ra từng việc cụ thể để chấm điểm, đánh giá.

b) Thành tích chung là điểm trung bình cộng của các nội dung được kiểm tra.

c) Cách tính thành tích:

- Xuất sắc từ 9 điểm trở lên.
- Giỏi từ 8 đến 8,9 điểm.
- Khá từ 6,6 điểm đến 7,9 điểm.
- Trung bình (đạt yêu cầu) từ 5 điểm đến 6,5 điểm.
- Yếu (không đạt) dưới 5 điểm.

Điều 19. Nhiệm vụ của đối tượng được kiểm tra:

1. Quán triệt quyết định, chỉ thị, kế hoạch kiểm tra của cấp trên.
2. Phổ biến cho cơ quan, các đơn vị cấp dưới thuộc quyền.
3. Công tác chuẩn bị cho kiểm tra gồm: Chuẩn bị đầy đủ báo cáo, văn bản, tài liệu, lực lượng, các mặt bảo đảm, phục vụ cho công tác kiểm tra theo quy định.
4. Thực hiện các nội dung kiểm tra theo kế hoạch của đoàn kiểm tra.
5. Tổ chức rút kinh nghiệm, xác định các biện pháp khắc phục những tồn tại, thiếu sót, khuyết điểm và báo cáo cấp trên.

Điều 20. Thời điểm kiểm tra:

1. Kiểm tra thực hiện công tác hàng quý: Vào đầu tháng đầu tiên của quý sau.
2. Kiểm tra thực hiện công tác 6 tháng đầu năm: Vào trước tháng 7 hàng năm.
3. Kiểm tra thực hiện công tác năm: Vào trước tháng 12 hàng năm.
4. Kiểm tra đột xuất: Căn cứ tình hình cụ thể và tính chất nội dung kiểm tra.
 - a) Cấp tỉnh thông báo kế hoạch kiểm tra đến cấp huyện trước 3 – 4 ngày.
 - b) Cấp huyện thông báo kế hoạch kiểm tra cho các đơn vị, địa phương được kiểm tra trước 1 – 2 ngày.
 - c) Tùy tình hình thực tế của địa phương, đơn vị trong tỉnh có thể phối hợp kiểm tra công tác khác với công tác kiểm tra này cho phù hợp với nhiệm vụ công tác của địa phương.

Chương V

CHẾ ĐỘ SƠ KẾT, TỔNG KẾT CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG, DÂN QUÂN TỰ VỆ – GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

Điều 21. Quy định Chế độ sơ kết tổng kết:

1. Sơ kết, tổng kết được tiến hành ở các cấp, do thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cơ sở tự vệ, các doanh nghiệp quốc phòng và người chỉ huy đơn vị, địa phương thực hiện.
2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Chủ tịch UBND các cấp tổ chức sơ kết 6 tháng đầu năm và tổng kết năm.
3. Việc tổ chức sơ kết, tổng kết từng mặt công tác theo các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng trong từng thời kỳ thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Quốc phòng hoặc Chính phủ.

Điều 22. Nội dung sơ kết, tổng kết:

1. Đánh giá tình hình liên quan đến công công tác quốc phòng, DQTV - GDQP.
2. Đánh giá ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân khách quan, chủ quan, rút ra bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quốc phòng, DQTV - GDQP.

3. Phương hướng, nội dung biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quốc phòng, DQTV - GDQP trong thời gian tới.

4. Đề xuất các chủ trương, biện pháp tiếp theo và các chính sách cụ thể thực hiện công tác quốc phòng, DQTV - GDQP.

Điều 23. Thời gian và phương pháp:

- Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và tổng kết năm về công tác quốc phòng, DQTV, GDQP được thực hiện theo Điều 6 và Điều 7 tại Quy chế này về phương pháp giao ban các cấp, thời gian và địa điểm giao ban.

- Đối với cấp xã có thể kết hợp với sơ kết, tổng kết hàng năm của UBND cấp xã.

Chương VI

BẢO ĐẢM KINH PHÍ

Điều 24. Kinh phí bảo đảm cho giao ban, báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, DQTV - GDQP của các cơ quan, tổ chức, cơ sở tự vệ, doanh nghiệp quốc phòng và các địa phương do ngân sách của cơ quan, đơn vị, địa phương bảo đảm theo quy định tại khoản 14 Điều 29, khoản 8 Điều 30, Nghị định số 184/2004/NĐ-CP ngày 02/11/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Dân quân tự vệ và Điều 16, 17, Nghị định số 119/2004/NĐ-CP ngày 11/5/2004 của Chính phủ.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Giao Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, các địa phương hướng dẫn, kiểm tra, việc tổ chức thực hiện Quy chế này, thường xuyên báo cáo về Chủ tịch UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VP Chính phủ - BQP;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ tư pháp;
- BTL/QK7, TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, NC.

qq

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Văn Một